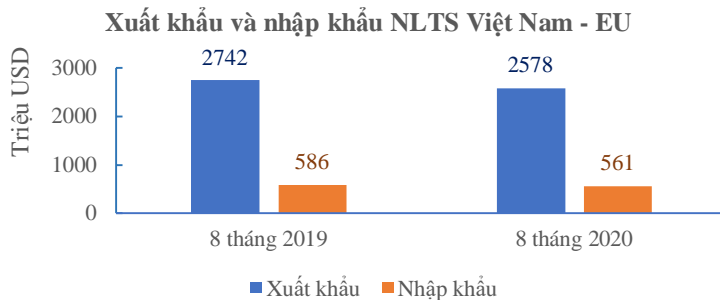


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



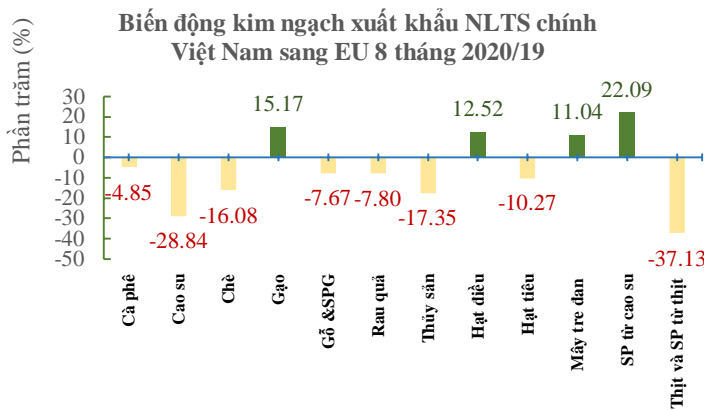
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

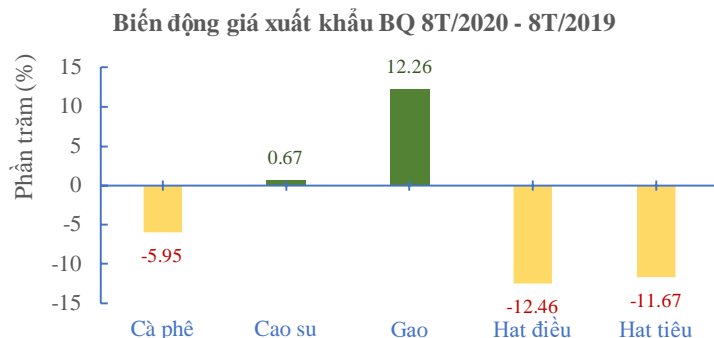
(8T/2020 - 8T/2019)

- Xuất khẩu ▼ 05,98 %
- Nhập khẩu ▼ 04,32 %



So sánh 8T/2020 với 8T/2019

- Cà phê ▼ 04,85 %
- Cao su ▼ 28,84 %
- Chè ▼ 16,08 %
- Gạo ▲ 15,17 %
- Gỗ và SP Gỗ ▼ 07,67 %
- Rau quả ▼ 07,80 %
- Thủy sản ▼ 17,35 %
- Hạt điều ▲ 12,52 %
- Hạt tiêu ▼ 10,27 %
- Mây tre đan ▲ 11,04 %
- SP từ cao su ▲ 22,09 %
- Thịt và SP từ thịt ▼ 37,13 %



So sánh giá xuất khẩu 8T/2020 - 8T/2019

- Cà phê ▼ 05,95 %
- Cao su ▲ 00,67 %
- Gạo ▲ 12,26 %
- Hạt điều ▼ 12,46 %
- Hạt tiêu ▼ 11,67 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Trong bối cảnh dịch Covid 19 tác động nặng nề đến nền kinh tế các nước Châu Âu, kim ngạch xuất khẩu Nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường EU khó tránh khỏi sụt giảm. Kim ngạch xuất khẩu tháng 8/2020 đạt 304 triệu USD, giảm 0,22% so với tháng 7/2020, và giảm 7,42% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, kể từ khi EVFTA chính thức thực thi vào đầu tháng 8/2020 đã có nhiều dấu hiệu tích cực trong hoạt động xuất khẩu sang thị trường Châu Âu. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU là thủy sản, hạt điều, cà phê, gỗ và các sản phẩm gỗ. So với tháng 7/2020, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, nhiều nhất là thịt và các sản phẩm thịt tăng 63%, tiếp đến là gạo tăng 19%, cà phê tăng 14%, rau quả tăng 8% , chè, cao su tăng 7%. Trong khi đó, nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, tuy nhiên mức giảm không đáng kể ngoại trừ sản phẩm từ cao su giảm nhiều nhất là 27%, mây tre đan giảm 8%, gỗ và sản phẩm gỗ giảm 6%, hạt điều giảm 5%. Các mặt hàng khác như thủy sản, hạt tiêu giảm dưới 2%. Tuy nhiên, so với cùng kỳ, chè lại là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao nhất với 63%, tiếp đến là mây tre đan tăng 53% trong khi thịt và các sản phẩm thịt giảm nhiều nhất với 36%, cao su giảm 25%, rau quả giảm 19%, gạo giảm 17%, cà phê giảm 15% (chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Từ ngày 1/8/2020 hiệp định thương mại tự do EU – Việt Nam (EVFTA) chính thức có hiệu lực, nhiều mặt hàng nông sản Việt Nam đã công bố xuất khẩu lô hàng đầu tiên vào EU sau EVFTA (chanh leo, gạo, cà phê, rau quả...). Rau, củ, quả của Việt Nam được đánh giá đã và đang rộng cửa vào EU kể từ ngày 1/8/2020. Hiện EU là thị trường xuất khẩu thứ tư của rau, quả Việt Nam. EVFTA mở ra cơ hội vô cùng lớn cho hàng rau, củ, quả của Việt Nam tại thị trường EU, vốn là thị trường nhập khẩu lớn nhất thế giới. EU có nhu cầu ổn định về rau, quả (chiếm 45% trị giá thương mại hàng rau quả toàn cầu). Quy mô thị trường rộng lớn và nhu cầu theo mùa của EU chính là thị trường hấp dẫn cho các nhà cung cấp ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, EU lại là thị trường "khó tính" với các quy định về hàng rào kỹ thuật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, chất cấm... khắt khe.

Thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại (XTTM) năm 2020, Cục XTTM (Bộ Công Thương) phối hợp với Vụ Thị trường Châu Âu – Châu Mỹ, Thương vụ - Đại sứ quán Việt Nam tại Hà Lan và Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit) tổ chức Hội nghị giao thương trực tuyến rau, củ, quả Việt Nam – Hà Lan 2020, ngày 29/9/2020. Hội nghị thu hút sự tham gia của 22 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm rau, củ, quả Việt Nam và 10 nhà nhập khẩu rau, củ, quả Hà Lan. Hà Lan là thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam trong EU. Hiện hơn 20% rau quả tươi do các nước đang phát triển cung cấp cho Châu Âu vào EU thông qua Hà Lan. Từ cảng Rotterdam, điểm nhập khẩu chính, các thương

nhân Hà Lan và quốc tế sẽ phân phối sản phẩm đến nhiều nước Châu Âu khác. Dự báo, năm nay xuất khẩu rau quả có thể vẫn bị sụt giảm khoảng 10% so với năm 2019. Tuy nhiên, dự kiến xuất khẩu rau, củ, quả sang EU thời gian tới sẽ khởi sắc.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), sau khi Hiệp định EVFTA chính thức được thực thi và ngành cá ngừ Việt Nam đã ghi nhận sự tăng trưởng xuất khẩu sang EU. Sau hơn hai năm Ủy ban Châu Âu quyết định rút "thẻ vàng" với thủy sản Việt Nam, giá trị xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam sang khối thị trường này liên tục sụt giảm, tỷ trọng xuất khẩu cá ngừ của Việt Nam đã giảm từ 24% trong năm 2018 xuống còn 19% trong năm 2019. Khi EVFTA có hiệu lực, ngành cá ngừ Việt Nam đang kỳ vọng sẽ có sự phục hồi về hoạt động xuất khẩu tại thị trường này. Tuy nhiên, trong tháng đầu tiên thực hiện Hiệp định đã có một số trục trặc về thủ tục XK. Theo thông tin từ doanh nghiệp một số lô hàng cá ngừ của Việt Nam XK sang các nước EU đã bị Hải quan của nước sở tại thông báo một số C/O mẫu EUR.1 của Việt Nam có màu xanh lam thay vì màu xanh lá cây nên không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của Hiệp định EVFTA, khiến các C/O này không được Hải quan tại đây chấp nhận. Tuy nhiên, sau khi hai bên làm việc, ngày 31/8/2020 đã EU chấp nhận các C/O với màu nền hiện tại như mẫu mà Việt Nam đã thông báo tới EU. Đồng thời, cơ quan đại diện phía EU đã gửi thông báo tới cơ quan hải quan các nước thành viên để đảm bảo các C/O theo mẫu hiện tại mà tổ chức cấp C/O của Việt Nam cấp cho doanh nghiệp sẽ không bị từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan. Như vậy, thời gian tới các doanh nghiệp có thể yên tâm trong việc đẩy mạnh XK cá ngừ sang EU, dự kiến xuất khẩu cá ngừ sang EU sẽ tiếp tục khả quan hơn trong những tháng tới.

Gỗ và sản phẩm gỗ là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam sang EU. Kim ngạch xuất khẩu nhóm các mặt hàng này của Việt Nam sang EU bình quân mỗi năm đạt trên 500 triệu USD và tiếp tục tăng trong những năm qua. Ngành gỗ Việt Nam kỳ vọng thực thi EVFTA sẽ giúp ngành mở rộng thị trường tiêu thụ các mặt hàng gỗ của mình tại các nước trong khối EU. Ngày 01/09/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định đảm bảo hệ thống gỗ hợp pháp Việt Nam, trong đó Nghị định quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam đối với nhập khẩu, xuất khẩu; tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; cấp giấy phép FLEGT. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2020 (trừ cấp giấy phép FLEGT và phân loại doanh nghiệp sau khi Nghị định có hiệu lực 180 ngày). Đây là cơ sở để tăng việc đảm bảo tính pháp lý của gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, điều này sẽ khiến đồ gỗ của Việt Nam có thêm động lực để nâng cao tính cạnh tranh khi xuất khẩu vào các thị trường khó tính, yêu cầu nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thông tin minh bạch, và sản phẩm thân thiện với môi trường như EU.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU giai đoạn 2020-2022 nhằm thực thi các cam kết về mở cửa thị trường hàng hóa của Việt Nam trong Hiệp định EVFTA. Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo các giai đoạn khi xuất khẩu sang lãnh thổ theo quy định tại Hiệp định EVFTA, bao gồm: Lãnh thổ thành viên Liên minh châu Âu; Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len đối với từng mã hàng.

Về tình hình thị trường EU: Vào ngày 3 tháng 9 năm 2020, Ủy ban Châu Âu (EC) đã tiến hành tham vấn cộng đồng về các hành động có thể có trong tương lai của EU nhằm giảm tác động của các sản phẩm được đưa vào thị trường EU liên quan đến nạn phá rừng và suy thoái rừng. EC lưu ý “các hoạt động liên quan đến lâm nghiệp và sử dụng đất khác - chủ yếu là phá rừng - là nguyên nhân gây ra 12% lượng khí thải nhà kính, khiến chúng trở thành nguyên nhân chính thứ hai gây ra biến đổi khí hậu sau việc đốt nhiên liệu hóa thạch”. Để giải quyết vấn đề này, Ủy ban đang tìm cách giảm thiểu sự đóng góp của EU vào nạn phá rừng và suy thoái rừng trên toàn thế giới cũng như thúc đẩy việc tiêu thụ các sản phẩm từ 'Chuỗi cung ứng không mất rừng' ở EU. Tham vấn này sẽ góp phần vào việc đánh giá tác động nhằm điều tra tính phù hợp của một loạt các biện pháp khác nhau từ phía cầu nhằm giải quyết nạn mất rừng và suy thoái rừng liên quan đến tiêu thụ của EU.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, Đan Mạch thông báo cho Tổ chức Thương mại Thế giới về đề xuất cấm bán thuốc trừ sâu và chất diệt khuẩn tập trung cho các cá nhân thông qua G / TBT / N / DNK / 102. Thời gian lấy ý kiến công khai cho thông báo sẽ kết thúc vào ngày 21 tháng 10 năm 2020.

Từ trung tuần tháng 9, Đức đã có báo cáo trường hợp đầu tiên của họ về bệnh dịch tả lợn châu Phi (ASF). Ngay sau đó, ngày 14/9, Bộ Nông nghiệp Đức cho biết, Đức đã dừng xuất khẩu thịt lợn sang các quốc gia ngoài Liên minh châu Âu (EU). Tuy nhiên, nhiều quốc gia Liên minh châu Âu vẫn chấp nhận thịt lợn Đức nếu đây là loại thịt được lấy từ các khu vực không có dịch. Đối với sản phẩm thịt bò của Châu Âu, từ ngày 30/9, Hoa Kỳ đã nói lại việc nhập khẩu thịt bò từ Anh sau hơn 20 năm thực hiện lệnh cấm nhập khẩu mặt hàng này từ Anh.

Bão, hạn hán, hỏa hoạn và bọ cánh cứng đã gây ra thiệt hại to lớn cho các khu rừng ở Đức trong những năm gần đây. Chính phủ Đức đã bắt đầu tài trợ các chương trình hỗ trợ chuyển đổi từ gỗ mềm sang gỗ cứng với mục tiêu giúp rừng có khả năng chống chịu tốt hơn với biến đổi khí hậu. Điều này có thể làm giảm tiềm năng xuất khẩu của ngành lâm nghiệp Đức, mở ra cơ hội cho các nhà cung cấp gỗ mềm. Thương mại lâm sản của Đức khá cân bằng, nhưng trong những năm gần đây xuất khẩu tăng lên, với doanh thu trên 9 tỷ đô la trong

năm 2018 và 2019. Hai phần ba xuất khẩu của Đức đến Liên minh châu Âu, trong khi Hoa Kỳ và Trung Quốc là các điểm đến chính bên ngoài Liên minh Châu Âu, với khối lượng khoảng 0,6 tỷ USD mỗi điểm. Nhập khẩu lâm sản của Đức lên tới gần 8 tỷ đô la vào năm 2019, với ba phần tư sắp tới từ các nước thuộc Liên minh Châu Âu. Trung Quốc, Nga, Thụy Sĩ, Belarus và Ukraine là 5 nước đứng đầu nguồn gốc bên ngoài Liên minh Châu Âu. Trong dài hạn, Đức sẽ có nhu cầu nhập khẩu gỗ mềm mạnh hơn, trong khi đó sẽ có nguồn cung cấp gỗ cứng trong nước dồi dào.

Trong quý II/2020, nền kinh tế của khu vực Eurozone giảm 12,1% do các biện pháp phong tỏa được áp dụng để dập tắt sự lây lan của dịch COVID-19. Theo khảo sát của Reuters vào tháng trước dự đoán kinh tế châu Âu có thể phục hồi vào Quý III với mức tăng trưởng 8,1% nhưng sẽ mất khoảng 2 năm hoặc hơn để phục hồi hoàn toàn. Chỉ số PMI đã giảm xuống 51,9 điểm vào tháng 8 từ 54,9 điểm của tháng 7 cho thấy nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn. Theo ước tính của Ủy ban Châu Âu, dịch COVID-19 sẽ khiến kinh tế toàn bộ 19 nước khu vực đồng tiền chung euro suy giảm 8,7% trong năm 2020, tăng trưởng 6,1% vào năm 2021.

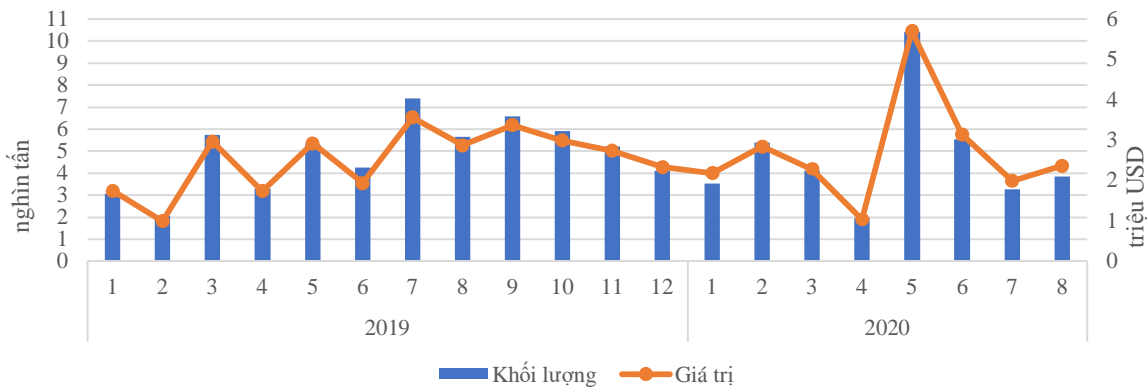
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 9/2020 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2020 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của EU kỳ vọng sẽ đạt 2,3 triệu tấn, tăng 141 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2020, Việt Nam xuất khẩu được 3,8 nghìn tấn gạo, trị giá 2,4 triệu USD sang thị trường EU, tăng 17,6% về khối lượng và 19,2% về giá trị so với tháng 7/2020, nhưng giảm 32,2% về khối lượng và 17,7% so với tháng 8/2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm đạt 38,0 nghìn tấn gạo và 21,5 triệu USD, tăng 3,3% về khối lượng và 15,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU

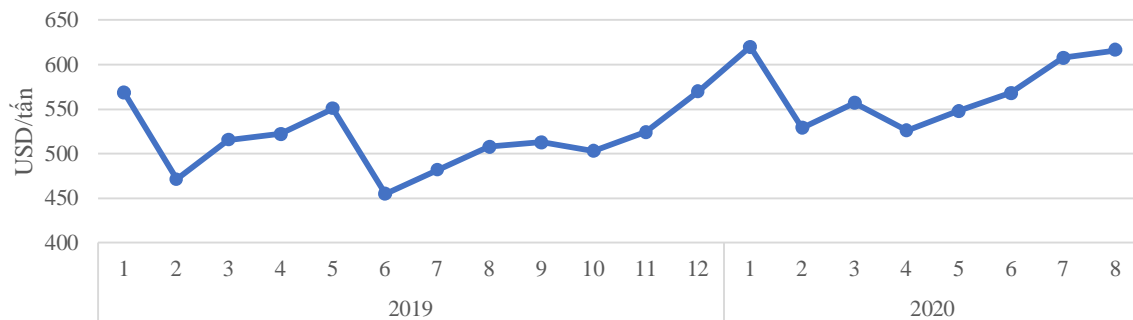


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2020, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 3,1 nghìn tấn, trị giá 1,9 triệu USD (chiếm 79,4% về khối lượng và 80,3% về giá trị); so với tháng 8/2019, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã tăng 23,0% về khối lượng và 38,4% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo Japonica đạt 526 tấn, trị giá 322,4 nghìn USD (chiếm 13,7% về khối lượng và 13,6% về giá trị); so với tháng 8/2019, xuất khẩu gạo Japonica sang EU đã giảm 76,5% về khối lượng và 69,6% về giá trị. Đứng thứ ba là gạo trắng đạt 227 tấn, trị giá 112,0 nghìn USD (5,9% về khối lượng và 4,7% về giá trị); so với tháng 8/2019, xuất khẩu gạo trắng sang EU đã giảm 75,8% về khối lượng và 70,6% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 8/2020 đạt 616,3 USD/tấn, tăng 1,4% so với tháng 7/2020 và 21,4% so với cùng kỳ năm 2019.

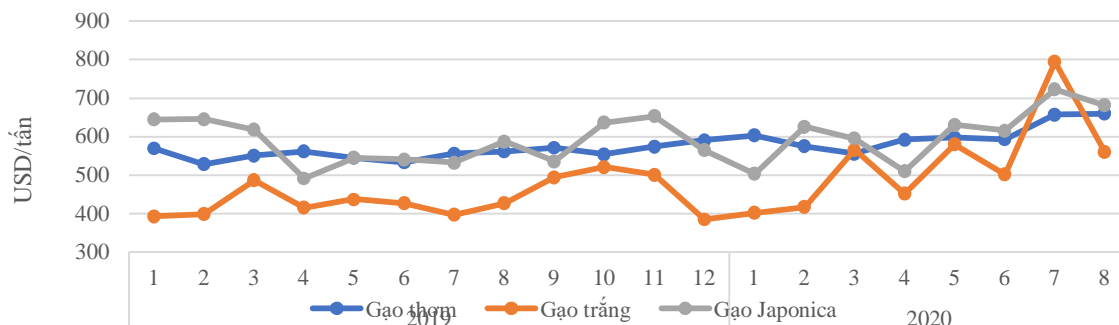
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường EU hầu hết có xu hướng giảm trong tháng. Giá gạo thơm tháng 8/2020 đạt trung bình 659,7 USD/tấn, tăng 0,4% so với tháng 7/2020 và 17,5% so với cùng kỳ năm ngoái; gạo trắng có giá 559,7 USD/tấn, giảm 29,5% so với tháng 7/2020 nhưng tăng 31,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo Japonica đạt 681,7 USD/tấn, giảm 5,6% so với tháng 7/2020 nhưng tăng 16,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm, gạo trắng và gạo Japonica sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

*Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

Trong tháng 8/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời, và Công ty CP Xuất Nhập khẩu An Giang. Ba công ty này lần lượt chiếm 28,6%, 22,2%, 12,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 8/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh giảm 23,9%, Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời tăng 116,6%, và Công ty CP Xuất Nhập khẩu An Giang tăng 222,5%.

2. RAU QUẢ

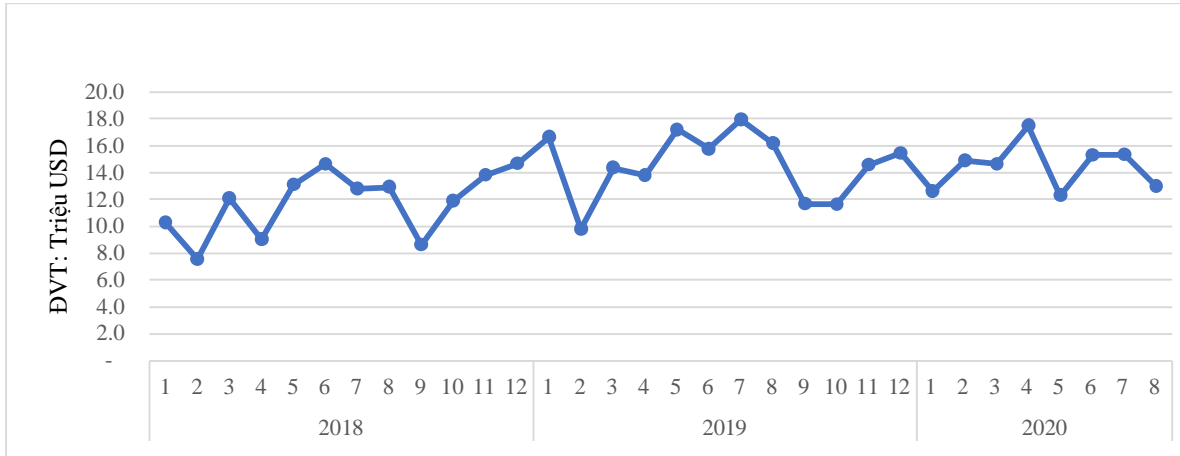
Mặc dù hầu hết các nước Châu Âu như Hà Lan, Bỉ, Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, v.v đang bắt đầu mùa vụ thu hoạch táo năm nay, nhưng giá vẫn tăng mạnh bởi sản lượng táo ở các nước này đều giảm do ảnh hưởng của nắng nóng, sương giá, mưa đá và bão.

Năm nay do đại dịch COVID-19, Hội chợ ngành rau quả quốc tế Madrid (Tây Ban Nha) lần thứ 12 sẽ được áp dụng công nghệ trực tuyến mới và hiện đại - Fruit Attraction LIVEConnect. Đây là một nền tảng công nghệ tiên tiến và hệ thống trí tuệ nhân tạo lớn nhất trong lĩnh vực rau và hoa quả có thể tạo ra hàng nghìn tương tác và nâng cao nhận thức về thương hiệu của các công ty và sản phẩm của họ trong số người mua, nhà phân phối và thương nhân từ 160 quốc gia. Hội chợ ngành rau quả quốc tế Madrid có mọi thứ cần thiết để tạo ra và thúc đẩy các cơ hội mới cho các chuyên gia từ khắp nơi trên thế giới để mua, bán và xây dựng mạng lưới bán hàng. Hội chợ cung cấp thông tin toàn diện về các nhà cung cấp, sản phẩm và tin tức về các lĩnh vực rau và hoa quả năm 2020 và có các công cụ để thực hiện video calls và eB2B trên cùng một nền tảng, một hệ thống trò chuyện trực tiếp và người dùng có thể nhận được đề xuất liên hệ nhờ vào hệ thống trí tuệ nhân tạo và tổ chức các cuộc họp và trình diễn với các công ty trưng bày và lưu trữ video và tài liệu kỹ thuật về sản phẩm và dịch vụ. Đây là một công cụ mạng mới dành cho cộng đồng chuyên gia và doanh nghiệp sẽ có mặt trong suốt tháng 10 cho phép các công ty tạo ra vô số khách hàng tiềm năng thương mại mới.

Chiều 17/9, tại Bến Tre, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp cùng UBND tỉnh Bến Tre tổ chức Lễ công bố chính thức xuất khẩu lô hàng trái cây sang EU theo Hiệp định Thương mại tự do EU – Việt Nam (EVFTA). Lô hàng gồm 20.000 quả dứa tươi, 12 tấn bưởi da xanh và 3 tấn thanh long do Tập đoàn Vina T&T xuất khẩu sang EU bằng đường tàu biển và hàng không. Việc hiệp định EVFTA có hiệu lực được kỳ vọng sẽ tạo cú hích cho rau quả Việt Nam trong bối cảnh xuất khẩu sang Trung Quốc sụt giảm.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 8 năm 2020 đạt 13 triệu USD, chiếm 4,7% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 15,4% so với tháng trước và giảm 19,8% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 16,2 triệu USD). Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu đạt 115,5 triệu USD, chiếm 5,1% thị phần và giảm 4,7% so với cùng kỳ năm 2019 (121,2 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU

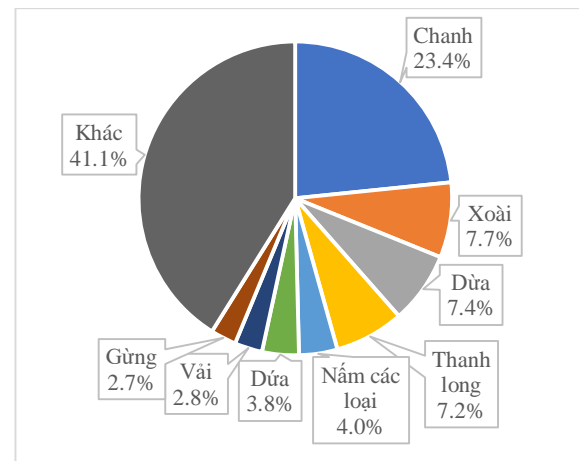


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 8 năm 2020 chủ yếu là trái cây (đạt 10,5 triệu USD, chiếm 81% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 52,9% (so cùng kỳ 2019 là 37,1%), trái cây chế biến chiếm 28,2% (cùng kỳ 2019 là 49,6%). Mặt hàng rau đạt 2,5 triệu USD (chiếm 19%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 14,2% (năm 2019 là 10,8%), rau chế biến chiếm 4,8% (năm 2019 là 2,4%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 8/2020 bao gồm chanh đạt 3 triệu USD (chiếm 23,4% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 47,6% so với cùng kỳ năm 2019); xoài đạt 1 triệu USD (chiếm 7,7%, tăng 129,1%); dứa đạt 958,6 nghìn USD (chiếm 7,4%, tăng 5,1%); thanh long đạt 930 nghìn USD (chiếm 7,2%, giảm 20,8%); nấm các loại đạt 515,9 nghìn USD (chiếm 4%, giảm 14,8%); dứa đạt 492,3 nghìn USD (chiếm 3,8%, tăng 40,9%); vải đạt 368,1 nghìn USD (chiếm 2,8%, tăng 73,9%).

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường EU tháng 8 năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2020, rau quả chế biến đạt 4,3 triệu USD (chiếm 32,9% tổng giá trị xuất khẩu) giảm 49,3% so với cùng kỳ 2019 (đạt 8,4 triệu USD). Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 62,1%, giảm 47,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 22,3%

(giảm 67,2%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh, mã HS.2005) chiếm 5,2%, tăng 108,2%; (vi) rau quả muối chua (mã HS. 2001) chiếm 5,2% (giảm 2,4%);

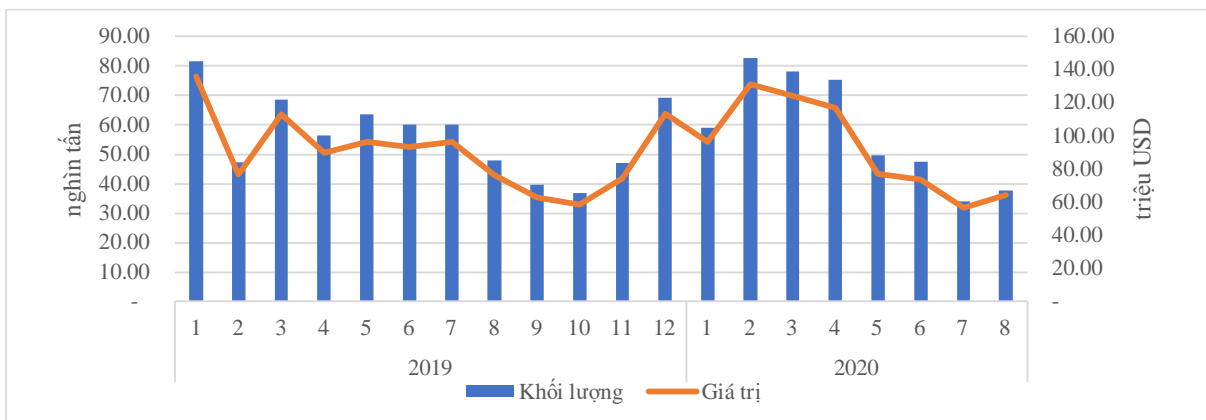
Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 8 năm 2020 đạt 1,7 triệu USD, chiếm 1,7% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 2,3 triệu USD). Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu đạt 18,7 triệu USD, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2019 (21,9 triệu USD). Trong tháng 8/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là khoai tây đạt 0,6 triệu USD (chiếm 33,7%, giảm 7,1%); nho đạt 204,4 nghìn USD (chiếm 11,7%, tăng 12,1%); táo đạt 75 nghìn USD (chiếm 4,3%, giảm 78,6%); ...

Trong tháng 8/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao và Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ với giá trị xuất khẩu lần lượt là 1,5 triệu USD (chiếm 11,5% tổng giá trị xuất khẩu); 946,8 nghìn USD (chiếm 7,3%); 923,1 nghìn USD (chiếm 7,1%). So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II giảm 48,8%, Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao tăng 28% và Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ giảm 21,2%.

3. CÀ PHÊ

Trong 9 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu nông sản Việt Nam nói chung và xuất khẩu cà phê nói riêng chịu sự ảnh hưởng vì dịch Covid-19. Theo đó, giãn cách và xã hội và các thiệt hại gây ra cho ngành du lịch sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến ngành công nghiệp cà phê khi sức tiêu thụ cà phê tại các nhà hàng, quán ăn, cửa tiệm, khách sạn ... giảm xuống. Theo đó, trong tháng 8/2020, Việt Nam xuất khẩu 37,7 nghìn tấn cà phê sang EU, giá trị 64,1 triệu USD, giảm 21,3% về khối lượng và giảm 15,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 463,5 nghìn tấn và đạt 739,2 triệu USD, giảm 4,4% về khối lượng và giảm 4,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, EVFTA có hiệu lực cũng giúp thị trường xuất khẩu có nhiều khởi sắc. Xuất khẩu cà phê tháng 8/2020 đã tăng 10,9% khối lượng và tăng 13,6% về giá trị so với tháng 7/2020.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

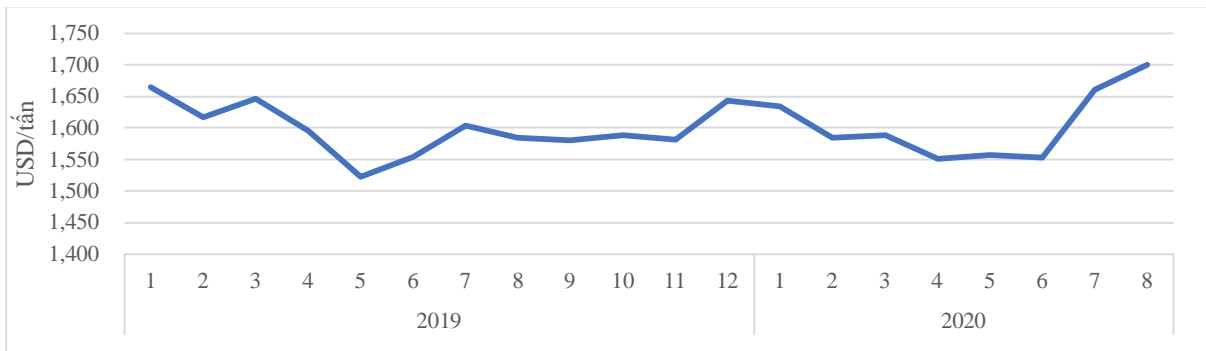
Các thị trường nhập khẩu cà phê của Việt Nam chính tại EU bao gồm Ý (chiếm tỷ trọng 25,4%, đạt khối lượng 9,6 nghìn tấn), Đức (chiếm tỷ trọng 24,1%, đạt khối lượng 9,1 nghìn tấn), Tây Ban Nha (chiếm tỷ trọng 16,2%, đạt khối lượng 6,1 nghìn tấn)..

Tháng 8/2020, xuất khẩu cà phê sang một số thị trường giảm so với tháng 8/2019 như Bỉ (giảm 34,5%, đạt 6,7 triệu USD), Đức (giảm 27,2%, đạt 17 triệu USD), Tây Ban Nha (giảm 22,7%, đạt 12,7 triệu USD). Ngược lại, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tại các thị trường có xu hướng tăng như: Đan Mạch (tăng 337,6%, đạt 498,5 nghìn USD), Ý (tăng 50,2%, đạt 18,1 triệu USD), Ba Lan (tăng 6,9%, đạt 3 triệu USD) lại tăng. Trong đó, Đan Mạch tuy là thị trường nhỏ nhưng đã có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm 2019. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu cà phê Việt Nam đã tăng 32,9% so với năm 2019. Hiện Đan Mạch không chỉ là quốc gia duy nhất ở Bắc Âu thiết lập quan hệ đối tác

toàn diện với Việt Nam mà đây còn là một trong những đối tác thương mại tiềm năng của khu vực Châu Âu bởi đây là khu vực cửa ngõ nối liền phía Bắc với phần còn lại của Châu Âu.

Tháng 8/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU là 1.700 USD/tấn, tăng 2,4% so với tháng 7/2020 và tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 8 tháng đầu năm, giá xuất khẩu cà phê bình quân đã tăng nhẹ 0,3% so với cùng kỳ năm 2019, đạt mức 1.595 USD/tấn. Sau khi EVFTA có hiệu lực, cà phê Robusta của Việt Nam có tiềm năng với lợi thế rất lớn tại thị trường EU, đặc biệt là các sản phẩm cà phê chế biến. Trong thời gian tới, ngành cà phê Việt Nam sẽ đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu của thị trường EU, đặc biệt là các tiêu chuẩn về chất lượng và phát triển bền vững, đưa Việt Nam là điểm tham chiếu cho cà phê Robusta toàn cầu, đồng thời nâng cao giá trị của cà phê Việt Nam.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử cafein (mã HS 090111) chiếm tỷ trọng 91,4 %, giá trị 731 triệu USD, giảm 18,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Cà phê nhân thô giảm trong khi cà phê chế biến có sự tăng trưởng ổn định. Cụ thể, cà phê chưa rang, đã khử cafein (mã HS 090112) tăng 9,9% về khối lượng và tăng 8,7% về giá trị; cà phê đã rang, chưa khử cafein (mã HS 090121) tăng 12,7% về khối lượng; cà phê hòa tan, tinh chất (mã HS 2101) tăng 12,5% về khối lượng so với cùng kỳ năm 2019.

EU là thị trường có nhiều cơ hội cho các nhà xuất khẩu cà phê. Đức, Ý và Bỉ là các thị trường cần chú ý nhất đối với các nhà xuất khẩu nhân xanh, trong đó Đức là thị trường cà phê quan trọng nhất trên khắp các phân khúc sản phẩm. Cà phê là một phần không thể thiếu trong nền văn hóa Ý, nơi có tiêu dùng cà phê bình quân là khoảng 6kg/người/năm. Các thị trường Đông Âu nhỏ hơn nhưng đang phát triển rất nhanh. Nước nhập khẩu cà phê Việt Nam tại khu vực này là Ba Lan, với tốc độ tăng trưởng bình quân được dự báo là 12%/năm.

Ngày 16/9/2020, tại thành phố Pleiku, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết hợp với UBND tỉnh Gia Lai đã tổ chức chương trình lễ xuất khẩu 296 tấn cà phê của Công

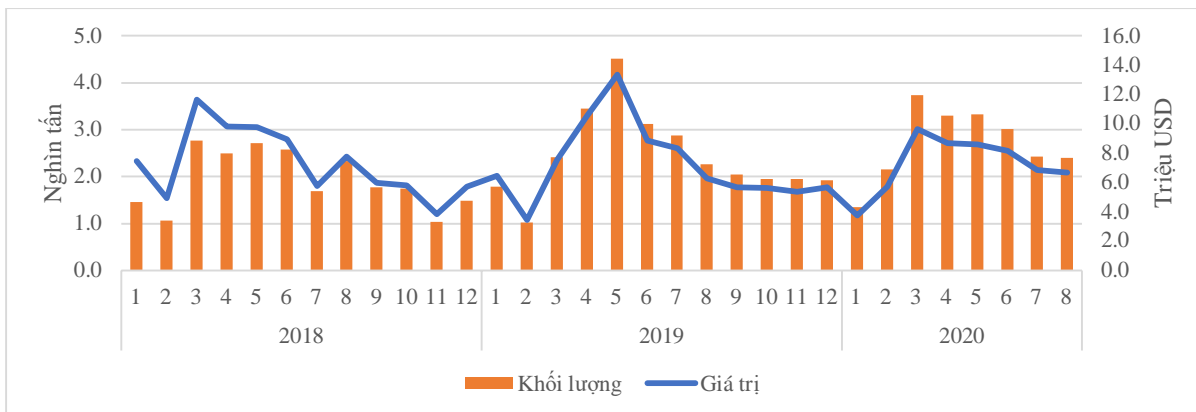
ty TNHH Vĩnh Hiệp vào thị trường Liên minh Châu Âu theo Hiệp định EVFTA. Dự kiến, lô hàng 14 container sẽ cập cảng Hamburg (Đức) và Antwerp (Bỉ). Đây là nơi có công suất kho bãi cà phê lớn nhất thế giới, lên tới 250 nghìn tấn, cung cấp các dịch vụ nhà kho kiểm soát nhiệt độ hiện đại và phân phối cà phê khắp Châu Âu bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy.

Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 được kỳ vọng sẽ thúc đẩy xuất khẩu cà phê tăng trong thời gian tới. Với việc thực thi Hiệp định EVFTA, EU sẽ xóa bỏ mức thuế từ 7,5-9% ngay lập tức cho cà phê nhân (rang, rang xay) và từ 9-11,5% trong vòng 3 năm cho một số chế phẩm từ hạt cà phê bao gồm cà phê hòa tan, tinh chất chứa cà phê. Đồng thời, mặt hàng cà phê là 1 trong số 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam được EU cam kết bảo hộ khi EVFTA chính thức đi vào hoạt động. Đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn cho ngành cà phê Việt Nam với các nước xuất khẩu cà phê khác tại thị trường EU.

4. HỒ TIÊU

Trong tháng 8 năm 2020, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU giảm nhẹ so với tháng trước, đạt 2,4 nghìn tấn tương đương 6,7 triệu USD. So với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu hồ tiêu đạt mức tăng trưởng tốt khi tăng 6,7% về cả lượng và giá trị xuất khẩu trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp gây ra khó khăn cho khu vực này.

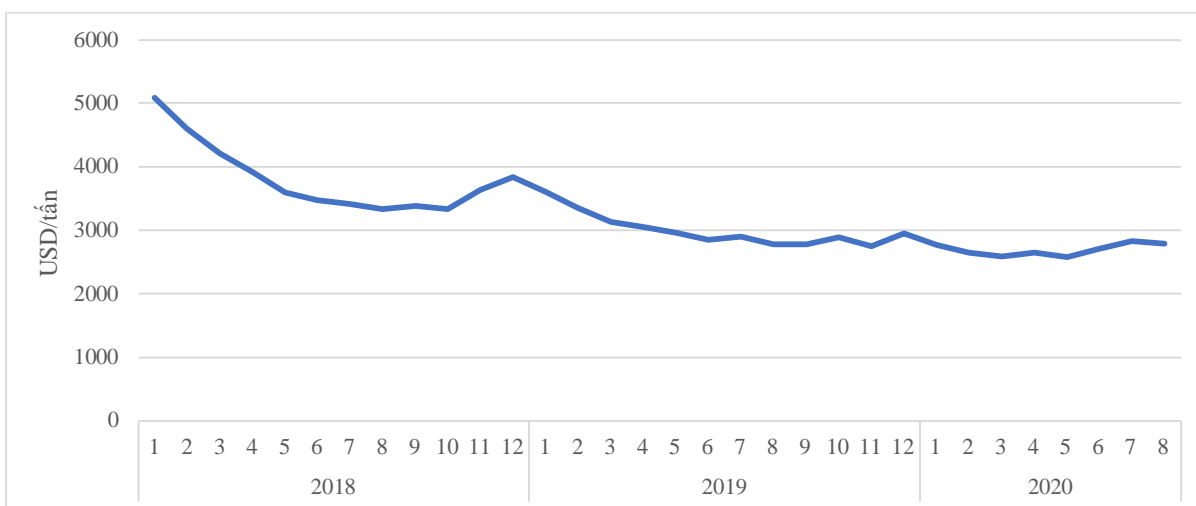
Hình 8: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân của hồ tiêu sang thị trường EU giảm nhẹ trong tháng 8 năm 2020. Cụ thể, giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân sang EU đạt 2.700 USD/tấn, giảm 2% so với tháng 7 năm 2020, nhưng tăng nhẹ 0,5% so với cùng kỳ năm ngoái

Hình 9: Giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị trường EU

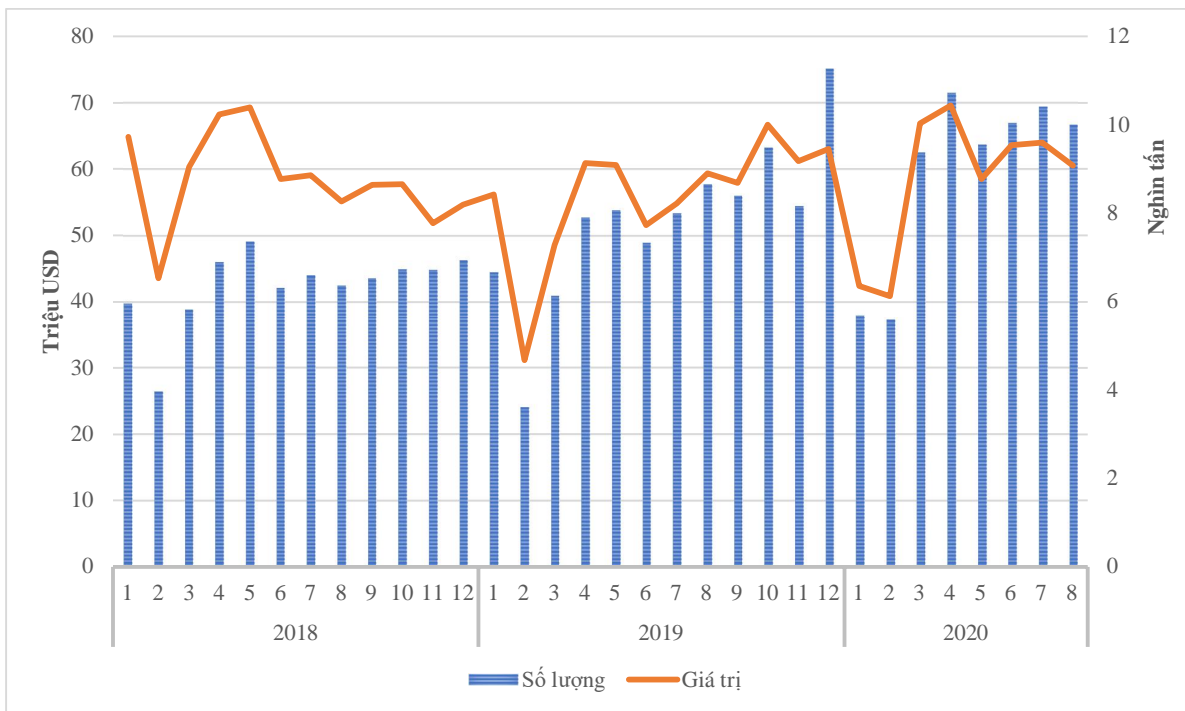


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. HẠT ĐIỀU

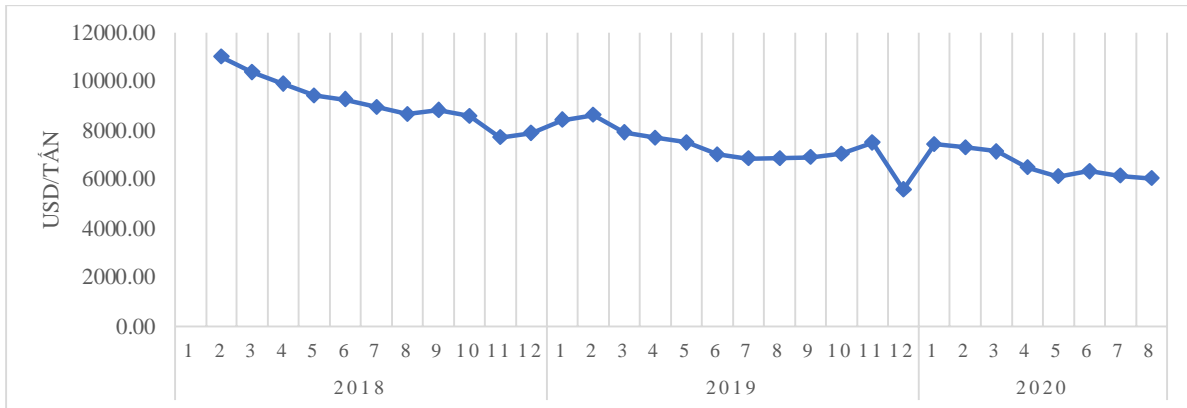
Trong 8 tháng đầu năm 2020, lượng xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường EU vẫn đạt mức tăng trưởng khả quan, mặc dù giá điều nhân tại thị trường này đã giảm xuống mức rất thấp. Theo số liệu cập nhập của Tổng cục Hải quan, khối lượng xuất khẩu hạt điều trong 8 tháng đầu năm 2020 sang thị trường này đạt 71,35 nghìn tấn và 462 triệu USD, tăng 26,6 về khối lượng và 12,52% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Còn riêng trong tháng 08/2020 Việt Nam xuất khẩu điều nhân sang thị trường này đạt 10 nghìn tấn, trị giá 60,1 triệu USD, tăng 15,7% về khối lượng và 4,5% về giá trị so cùng kỳ năm 2019.

Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường EU tiếp tục giảm trong tháng 8/2020 đạt 6.051 USD/tấn, giảm 1,63% so với tháng 07/2020, giảm 11,9% so với cùng kỳ năm 2019. Hiện nay giá điều thô đang có xu hướng tăng, đã kéo giá điều nhân tăng theo. Trong 2 tuần cuối tháng 8 giá điều nhân đã tăng khoảng 110 - 220 USD/tấn, giao động ở mức 6.128 đến 7054 USD/tấn đối với mã W320 FOB.

Hình 11: Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá điều nhân được chào bán cho thị trường EU đang tăng trong giai đoạn ngắn do phía Việt Nam đang bị thiếu hụt điều thô cục bộ. Nhưng lượng cung điều thô trên thế giới vẫn còn rất lớn, Indonesia đang vào vụ thu hoạch, còn Tanzania mùa điều mới sẽ bắt đầu từ tuần đầu tiên của tháng 10. Vì thế có thể trong 1-2 tháng tới giá điều nhân có thể đảo chiều. Do vậy khuyến cáo dành cho các nhà máy chế biến điều của Việt Nam nên thận trọng, không nên đầu cơ điều thô với mức giá hiện nay nếu chưa có hợp đồng bán điều nhân.

Dự kiến sang đến quý IV xuất khẩu điều nhân sẽ có khởi sắc, vì vào những tháng cuối năm các nhà nhập khẩu EU sẽ tăng nhập khẩu phục vụ nhu cầu các dịp lễ cuối năm.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Từ trung tuần tháng 9, Đức đã có báo cáo trường hợp đầu tiên của họ về bệnh dịch tả lợn châu Phi (ASF). Ngay sau đó, ngày 14/9, Bộ Nông nghiệp Đức cho biết, Đức đã dừng xuất khẩu thịt lợn sang các quốc gia ngoài Liên minh châu Âu (EU). Tuy nhiên, nhiều quốc gia Liên minh châu Âu vẫn chấp nhận thịt lợn Đức nếu đây là loại thịt được lấy từ các khu vực không có dịch. Đức hiện là nhà sản xuất thịt lợn lớn nhất châu Âu, với khoảng 5 triệu tấn thịt mỗi năm. Đức có ngành chăn nuôi lợn lớn thứ hai trong EU, sau Tây Ban Nha, với đàn lợn hơn 26 triệu con. Nếu dịch bệnh xâm nhập vào đàn lợn nội địa của Đức, nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho ngành. Giá thịt lợn ở Đức đã giảm từ 1,47 €/kg trọng lượng giết mổ trước dịch bệnh, nhưng đã ổn định ở mức 1,27 €. Người Đức đã chuẩn bị kỹ lưỡng, với dịch bệnh lan tràn qua biên giới Ba Lan, nơi trang trại 6.500 con lợn gần đây đã bị xóa sổ. Và khả năng lây lan của nó ít hơn ở vùng Brandenburg, nơi có số lượng lợn thấp.

Sau thông tin về những trường hợp nhiễm dịch ASF ở Đức, Trung Quốc, thị trường chiếm khoảng một nửa lượng tiêu thụ thịt lợn hàng năm của thế giới và chiếm gần 2/3 lượng thịt lợn xuất khẩu của Đức, đã ban hành lệnh cấm nhập khẩu thịt lợn Đức trị giá gần 1 tỷ euro nhằm “bảo vệ ngành chăn nuôi và ngăn chặn dịch bệnh lây lan”. Trước đó, xuất khẩu thịt lợn của Đức sang Trung Quốc đã tăng lên 835 triệu euro trong nửa đầu năm 2020, so với 1,2 tỷ euro của cả năm ngoái.

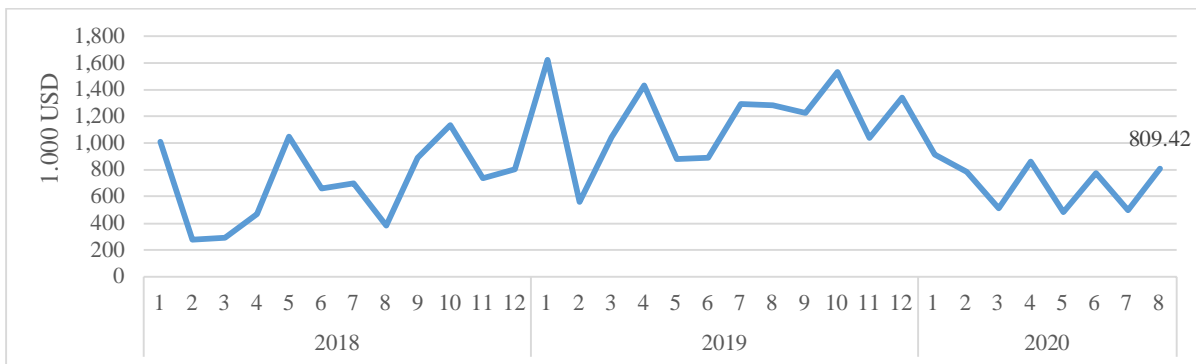
Lệnh cấm đối với thịt lợn của Đức ở Trung Quốc có thể đảo ngược sự gia tăng thương mại nông sản của EU trong 5 tháng đầu năm 2020, đạt được bất chấp những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 và các mối đe dọa của Brexit. Tăng trưởng về xuất khẩu của EU có sự đóng góp lớn của thịt lợn và lúa mì, và Trung Quốc là điểm đến thứ ba cho các sản phẩm nông sản của EU, đạt 14,5 tỷ euro mỗi năm. Trong khi đó, dịch tả lợn châu Phi (không gây nguy hiểm cho con người) tiếp tục diễn ra trên thế giới. Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu cho biết, khu vực bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn châu Phi của EU đang “ngày càng mở rộng”. Từ năm 2016 đến tháng 6/2020, 1,3 triệu con lợn đã bị mất vì dịch bệnh ở châu Âu. Mười hai quốc gia thành viên EU có dịch tả lợn và vẫn tiếp tục bùng phát ở Litva, Latvia, Ba Lan, Romania, Bulgaria và Slovakia.

Đối với sản phẩm thịt bò của Châu Âu, từ ngày 30/9, Hoa Kỳ đã nói lại việc nhập khẩu thịt bò từ Anh sau hơn 20 năm thực hiện lệnh cấm nhập khẩu thịt hàng này từ Anh. Theo giới chức Anh cho biết, đây là tin tốt đối với ngành chăn nuôi của nước này khi xuất khẩu thịt bò ước tính sẽ đem lại doanh thu 66 triệu bảng Anh (85 triệu USD) riêng trong 5 năm tới cho các nhà sản xuất thịt bò. Chính quyền Mỹ đã áp đặt hạn chế nhập khẩu thịt bò từ Liên minh châu Âu (EU) từ năm 1998 do lo ngại bệnh bò điên. Tuy nhiên, Mỹ đã dần nói

lông biện pháp này trong khi nỗ lực đàm phán để đạt một thỏa thuận thương mại tự do với EU. Mỹ đã cho phép nối lại hoạt động nhập khẩu thịt bò của Ireland và Hà Lan lần lượt từ năm 2015 và 2016. Tháng 3 năm nay, Anh đã được Mỹ cho phép nối lại xuất khẩu thịt bò.

Đối với Việt Nam, giá trị xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường EU tháng 8 năm 2020 đạt 809,4 nghìn USD, chiếm 10,3% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 63,5% so với tháng trước và giảm 36,6% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 1,28 triệu USD). Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường này đạt 5,64 triệu USD, giảm 37,1% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 7,69 triệu USD)..

Hình 12: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ba doanh nghiệp đứng đầu xuất khẩu trong tháng 8/2020 sang thị trường EU là công ty Liên doanh Nuôi và Phát triển Khi Việt Nam (249,1 nghìn USD, chiếm 30,8%), Công ty cổ phần Việt Long Sài Gòn (153,56 nghìn USD, chiếm 19%), và công ty TNHH Xuất khẩu Thực phẩm Diệp Long (114,13 nghìn USD, chiếm 14,1%). Các mặt hàng thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 8/2020 gồm có đùi ếch đông lạnh (giá trị 547,7 nghìn USD, chiếm 67,7%); một số động vật sống như khi đuôi dài, bò sát (kỳ tôm, liu điu), tổng trị giá khoảng 250,5 nghìn USD, chiếm 30,9%; còn lại là sản phẩm thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ khác đông lạnh (chiếm 1,4%).

Trong tháng 8/2020, Việt Nam tiếp tục nhập siêu các sản phẩm thịt từ thị trường EU, giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt đạt 23,56 triệu USD, chiếm 12,1% giá trị nhập khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam trong tháng này, tăng 4,8% so với tháng 7, và tăng 87,8% so với cùng kỳ năm 2019. Sản phẩm nhập chủ yếu là thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, bò đạt 8,15 triệu USD (chiếm 34,6%, tăng 25,8% so với tháng trước; đứng thứ 2 là sản phẩm thịt lợn đông lạnh, đạt 6,3 triệu USD, tăng 21,9% so với tháng 7/2020; nhóm sản phẩm thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà đông lạnh đạt 5,36 triệu USD, chiếm 22,7%, giảm 14,6% so với tháng trước; còn lại là sản phẩm mỡ nhập khẩu đạt 3,08 triệu USD, chiếm 13,1%, và các sản phẩm từ thịt và động vật sống khác.

Từ ngày 1-8-2020, với việc tham gia Hiệp định Thương mại tự do châu Âu - Việt Nam (EVFTA), ngành chăn nuôi có thêm cơ hội nhưng cũng đối mặt với những nhiều thách thức mới trên thị trường, trước hết là sự cạnh tranh quyết liệt về giá khi các sản phẩm từ châu Âu nhập khẩu vào Việt Nam. Sau khi tham gia EVFTA, châu Âu sẽ xóa bỏ ngay lập tức 72% số dòng thuế nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi từ Việt Nam và Việt Nam cũng phải xóa bỏ ngay lập tức 31,82% số dòng thuế nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi. Hiện nay, mặt hàng thịt lợn nhập khẩu từ thị trường châu Âu hiện đang chịu thuế 15-27% và theo lộ trình 10 năm sẽ giảm về 0%. Điều này tác động rất lớn đến các hộ chăn nuôi, nếu không có giải pháp phù hợp, chắc chắn sẽ có cuộc cạnh tranh khốc liệt về giá. Trong khi thực tế, giá bán lẻ thịt lợn của Việt Nam đang cao hơn 20-25% so với thịt lợn đông lạnh nhập khẩu. Giá mua tại công trang trại cao hơn 40-60% so với các nước có nền chăn nuôi phát triển..

7. THỦY SẢN

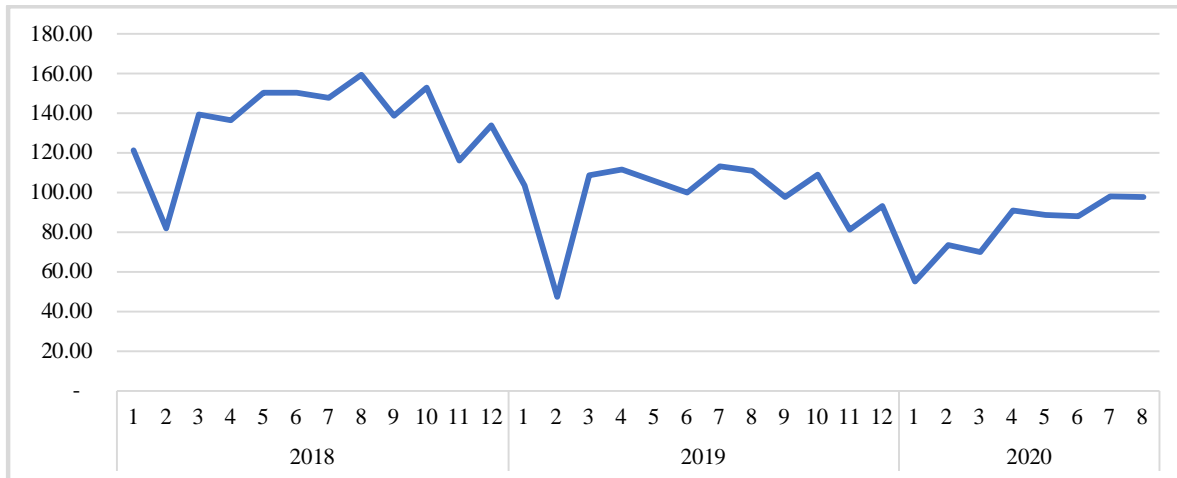
Trước đại dịch Covid-19, người tiêu dùng thủy sản châu Âu ngày càng quan tâm đến lợi ích đối với sức khỏe và tính bền vững của sản phẩm. Đặc biệt, người tiêu dùng trong phân khúc bán lẻ có yêu cầu đối với các chứng nhận bền vững và khả năng truy xuất nguồn gốc từ nơi sản xuất tới nơi tiêu thụ. Đại dịch khiến bán lẻ trở thành kênh tiêu thụ chính của thủy sản. Sau đại dịch, xu hướng nhu cầu đối với các sản phẩm có chứng nhận nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng. Do đó, việc chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và tính bền vững của sản phẩm là vấn đề các nhà xuất khẩu cần quan tâm.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu tôm của EU đạt 278 nghìn tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong tháng 5/2020, nhập khẩu tôm của EU đạt hơn 43 nghìn tấn, giảm 16% so với tháng 4/2020 và giảm 32% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, nhập khẩu của Ý trong tháng 5/2020 giảm mạnh nhất, giảm 67% so với cùng kỳ năm 2019, xuống còn gần 2 nghìn tấn; nhập khẩu của Tây Ban Nha giảm 33% so với cùng kỳ năm 2019, xuống còn hơn 8 nghìn tấn; nhập khẩu của Pháp đạt 6.028 tấn, giảm 25%; nhập khẩu của Hà Lan đạt 5.124 tấn, giảm 17%, nhập khẩu của Đức giảm 25%, xuống còn 3.199 tấn. Nhiều nước trong liên minh châu Âu bắt đầu thúc đẩy tiêu dùng thủy sản sản xuất nội địa để bảo vệ ngành thủy sản trong nước. Đây là một trong những thách thức đối với các nhà xuất khẩu từ các nước đang phát triển. Tuy nhiên, khả năng xu hướng tăng tiêu dùng thủy sản nội địa khó kéo dài sau đại dịch.

Sau gần 3 năm bị Ủy ban châu Âu (EC) phạt "thẻ vàng", Việt Nam đã hoàn thành được khối lượng công việc lớn theo 4 nhóm mà EC khuyến nghị. Cụ thể, tính đến ngày 31.8.2020, cả nước đã có 24.851 trên tổng số 30.851 tàu từ 15m trở lên lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, đạt tỉ lệ 80,61%. Trong đó tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên là 2.204 trên tổng số 2.600 tàu, đạt tỉ lệ 84,77%; tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m là 22.667 tàu, tỉ lệ đạt 80,23%. Ủy ban Âu đã đánh giá cao những nỗ lực của Việt Nam, song vẫn chưa đồng tình cao, do vẫn còn người dân vi phạm. Tính đến hết tháng 8/2020, Việt Nam có 92 tàu cá của ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, mỗi ngày phát hiện 90 tàu mất tín hiệu. Nếu còn tái diễn tình trạng này, EC sẽ không rút thẻ vàng IUU.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 97,53 triệu USD, tăng 1,03% so cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU chiếm 11,97% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản 8 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 661,25 triệu USD, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Tôm và cá ngừ là 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất: tôm chiếm 59,62%; cá ngừ chiếm 11,02%..

Hình 13: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 8 năm 2020 đạt 58,15 triệu USD, tăng 12,22% so với cùng kỳ năm 2019, đưa giá trị xuất khẩu tôm 8 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 261,53 triệu USD, tăng 15,22% so với cùng kỳ năm 2019, đưa giá trị xuất khẩu mặt hàng này 8 tháng đầu năm đạt 319,67 triệu USD, giảm 14,94%.

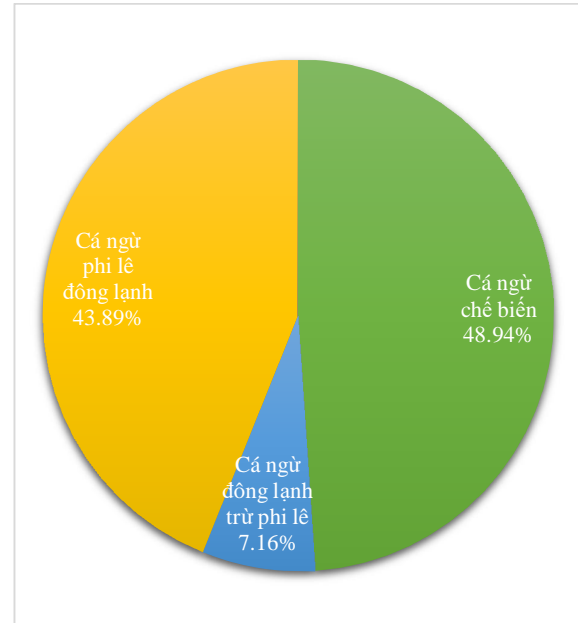
Tôm thẻ chân trắng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất ở thị trường này. Cụ thể, tính riêng tháng 8/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 46,20 triệu USD, chiếm 79,45% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 12,60% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 9,21 triệu USD, chiếm 15,84%, tăng 26,23%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 2,74 triệu USD, chiếm 4,72%, tăng 27,93%.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 8/2020 đạt 9,86 triệu USD, chiếm 10,11% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, giảm 17,19% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, Cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê đạt 0,73 triệu USD, tăng 119,58%; Cá tra phi-lê đạt 8,66 triệu USD, giảm 23,53%; Cá tra chế biến đạt 0,44 triệu USD tăng 84,22%.

Mặt hàng cá ngừ, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang thị trường này đạt 10,74 triệu USD, chiếm 11,02% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang Châu Âu, giảm 19,29% so với cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 4,72 triệu USD, tăng 19,59%; cá ngừ chế biến đạt 5,26 triệu USD, giảm 20,91%; giá trị xuất khẩu cá ngừ tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt 0,77 triệu USD, giảm 71,69%.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường EU như sau: Mực và bạch tuộc đạt 4,06 triệu USD, giảm 20,66%; Cua và ghẹ đạt 0,80 triệu USD, tăng 65,46; Các loại thủy sản khác đạt 13,92 triệu USD, giảm 8,73% so với cùng kỳ 2019. Giá xuất khẩu cá ngừ (thuộc mã HS 0304) tháng 8/2020 đạt trung bình 7,72 USD/kg tăng 22,48% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cá tra (thuộc mã HS 0304) đạt trung bình 2,05 USD/kg, giảm 34,59% ; Cua-ghẹ đạt 13,16 USD/kg, giảm 16,75%; Tôm các loại (thuộc mã HS03) đạt 9,09 USD/kg, giảm 30,27% so với cùng kỳ 2019.

Hình 14: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường EU tháng 8/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

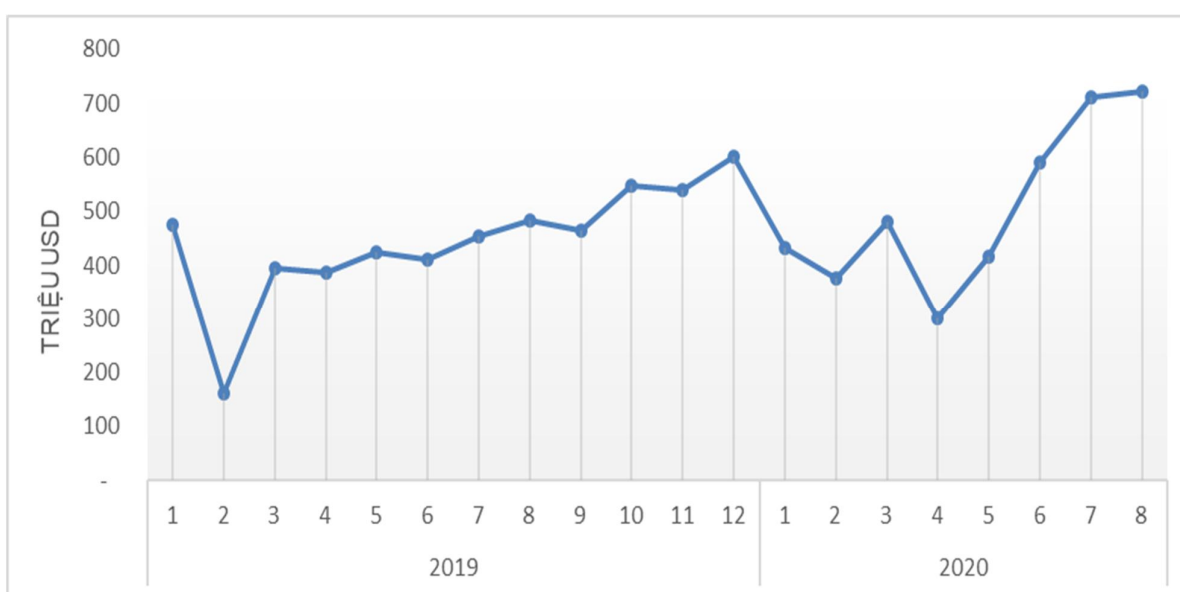
Tháng 8 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cà Mau đạt 5,05 triệu USD chiếm 5,18% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú đạt 4,16 triệu USD, chiếm 4,26%. Công ty cổ phần Nha Trang Seafoods đạt 3,92 triệu USD, chiếm 4,02%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Thị trường EU là thị trường xuất khẩu thứ 5 cho gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và chiếm 4.2% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2020.

Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang thị trường EU tiếp tục suy giảm về kim ngạch. Trong 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường EU chỉ đạt gần 307 triệu USD, giảm khoảng 7.7% so với cùng kỳ năm 2019. Nếu tính riêng trong tháng 8/2020, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường này chỉ đạt 31.4 triệu USD, giảm 6.3 % so với tháng 7/2020.

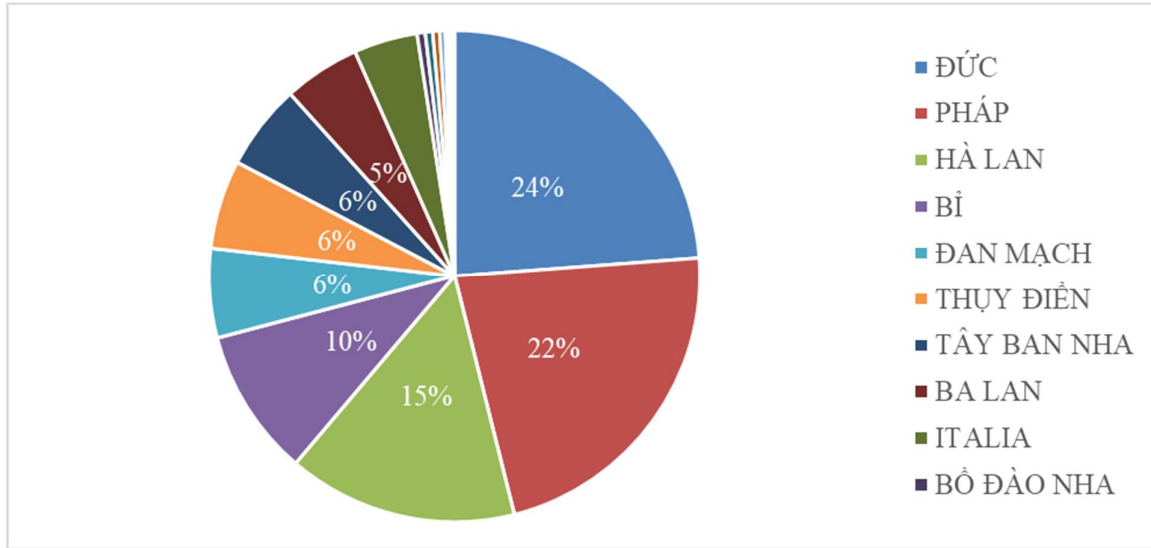
Hình 15: Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số sản phẩm chứng kiến sự giảm về giá trị xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 như: Đồ gỗ nội, ngoại thất (giảm khoảng 14 triệu USD tương đương 4%); Gỗ xây dựng, ván gỗ (giảm 2.5 triệu USD tương đương 12%); Sản phẩm bằng gỗ khác (giảm khoảng 1 triệu USD tương đương 6%); Gỗ dán (giảm hơn 600 nghìn USD tương đương 13%); Ngược lại, một số ít sản phẩm tăng về giá trị xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2020 như: Phụ kiện gỗ trong xây dựng (tăng 1,1 triệu USD, tương đương 40%); Hòm, hộp gỗ (tăng 1,1 triệu USD, tương đương 46%); Điểm chú ý là gỗ xẻ và ván lạng dù mặc dù giá trị xuất khẩu còn hạn chế nhưng trong 8 tháng đầu năm đã chứng kiến sự gia mạnh so với cùng kỳ.

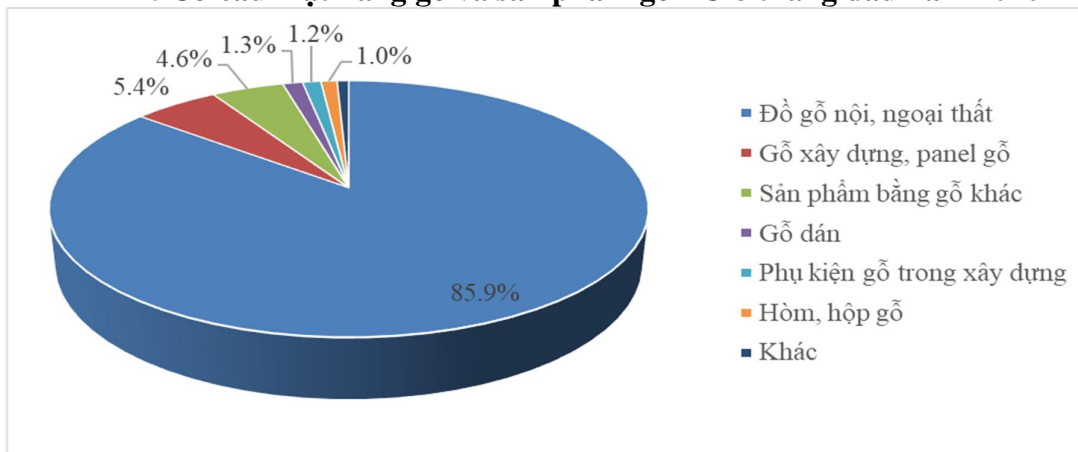
Hình 16: Thị trường XK gỗ và SP gỗ của Việt Nam sang EU 8 tháng 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối EU, một số quốc gia nhập khẩu chính đối với nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 8 tháng năm 2020 là: Đức (kim ngạch 73.5 triệu USD tương đương 24% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào khối EU); Pháp (kim ngạch 68.8 triệu USD tương đương 22%); Hà Lan (kim ngạch 46.8 triệu USD tương đương 15%) và Bỉ (kim ngạch gần 30 triệu USD tương đương 10%).

Hình 17: Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ EU 8 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

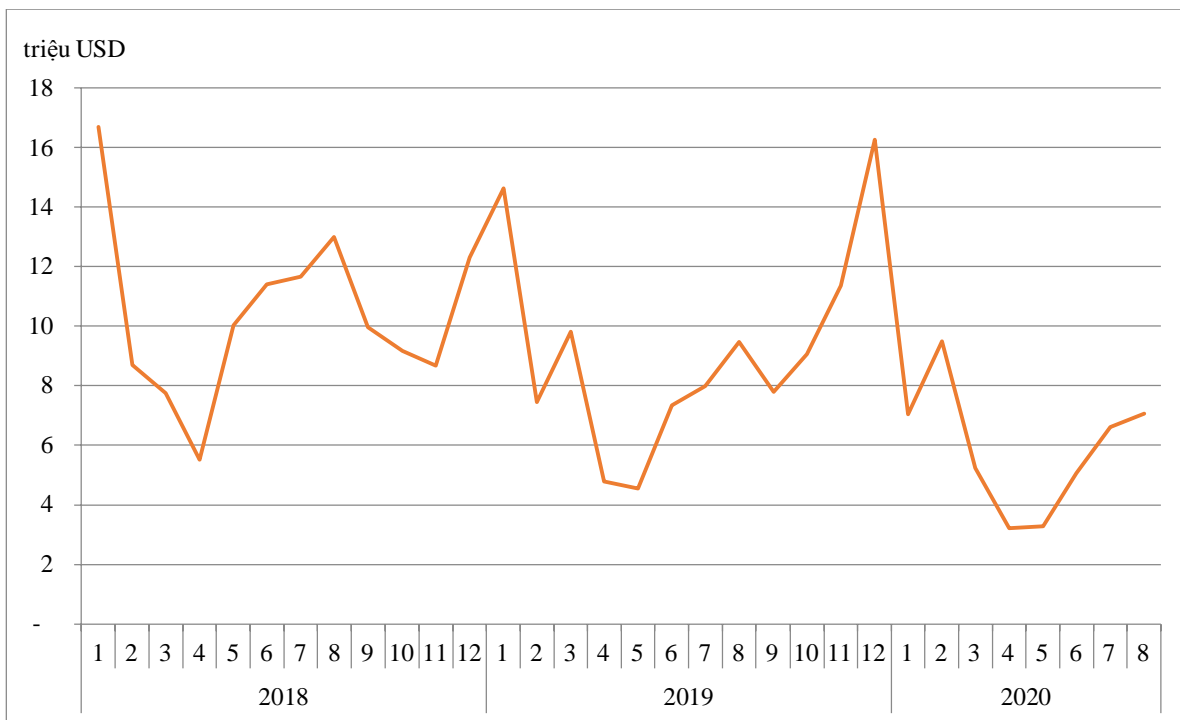
Xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang EU trong 8 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là đồ gỗ nội thất (ghế có khung gỗ, nội thất văn phòng, nội thất phòng bếp, nội thất phòng ngủ, nội thất bằng gỗ khác, bộ phận đồ gỗ) chiếm khoảng 86% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp đến là gỗ xây dựng, ván gỗ (chiếm 5.4% tổng kim ngạch), sản phẩm bằng gỗ khác (chiếm 4.6% tổng kim ngạch) còn lại là các mặt hàng khác như gỗ dán, phụ kiện gỗ trong xây dựng, hòm, hộp gỗ.

9. CAO SU

Nền kinh tế của khu vực đồng euro giảm 12,1% trong quý thứ hai năm 2020 so với quý đầu tiên, theo dữ liệu của Eurostat công bố vào ngày 31/7. Điều này cho thấy mức giảm hàng quý hàng năm là 47,8%. Hoạt động kinh tế trong quý 3 có thể sẽ tốt hơn khi các chính phủ Châu Âu bắt đầu dỡ bỏ các biện pháp khóa tài khoản vào giữa tháng 5, mặc dù thương mại có thể phục hồi với tốc độ chậm hơn do suy thoái toàn cầu.

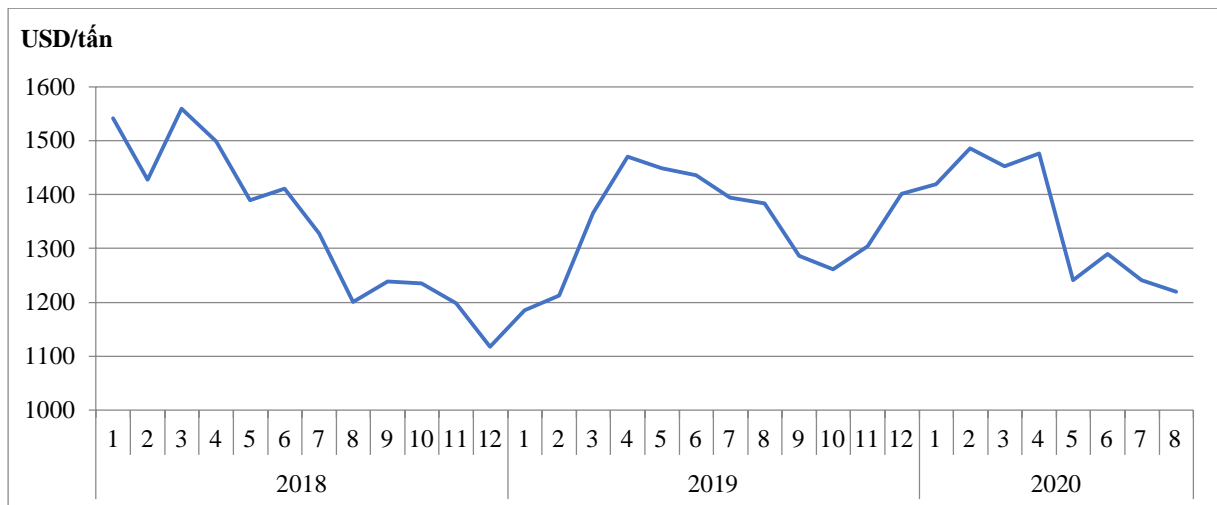
Các gói kích thích kinh tế gần đây của chính phủ sẽ giúp tiêu dùng trong nước cải thiện; mặc khác, do giãn cách xã hội được nới lỏng, sản xuất, thương mại từng bước phục hồi nên xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam sang EU có dấu hiệu tăng trở lại. Trong tháng 8/2020, xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam sang EU đạt 5,59 nghìn tấn, trị giá 7,07 triệu USD, tăng 4,7% về lượng và tăng 6,95% về giá trị so với tháng 7/2020.

Hình 18: Giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tuy nhiên, do nhu cầu thấp nên so với cùng kỳ năm 2019 xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam sang EU vẫn giảm 20,88% về lượng và 25,51% về giá trị. Và lũy kế 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam sang EU chỉ vào khoảng 34,62 nghìn tấn, trị giá 47,01 triệu USD, giảm 30,3% về lượng và 28,84% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 19: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu bình quân sang EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Kinh tế khu vực Eurozone đã giảm kỷ lục 12% trong quý 2/2020. Các dự báo cho thấy nền kinh tế khu vực đang trên đà phục hồi nhờ các biện pháp phong tỏa được nới lỏng và người dân trở lại cuộc sống bình thường. Các yếu tố này đã tác động tích cực vào giá cao su xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Giá cao su xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong tháng 8/2020 bình quân khoảng 1.263 USD/tấn, tăng 2,15% so với tháng 7/2020. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2020, do công nghiệp ảnh hưởng nghiêm trọng với doanh thu sụt giảm khoảng 16%, chưa kể mức sụt giảm 25% ghi nhận hồi tháng 4/2020 - thời điểm dịch bệnh bùng phát mạnh; nên giá xuất khẩu cao su của Việt Nam sang EU trong tháng 8/2020 vẫn giảm 5,85% so với cùng kỳ 2019.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Các bếp ăn tập thể tại Châu Âu cũng là một khách hàng nhập khẩu tiềm năng đối với mặt hàng gạo. Đối với các đối tác này, chất lượng gạo cao không phải điều họ quan tâm nhất mà là sự ổn định của chất lượng gạo. Nguyên nhân chính là do các bếp ăn này gồm một chuỗi dây chuyền với quy trình cố định, nên nếu thường xuyên thay đổi loại gạo sẽ khiến cho cơm nấu ra khó có thể ăn được. Trong trường hợp phải bỏ một nồi nấu gạo bị hỏng sẽ dẫn đến việc phải bỏ đi hàng chục cân gạo một lúc, ngoài ra là nguy cơ làm đình đốn cả dây chuyền. Bên cạnh đó, nếu chất lượng gạo thay đổi sẽ khiến khách hàng của các bếp ăn tập thể để ý hơn là duy trì một loại gạo cố định dù không phải loại gạo ngon. Ví dụ như nếu gạo thay đổi từ ngon sang không ngon, sẽ khiến khách cảm thấy chất lượng bữa ăn đi xuống và đưa ra nhiều phàn nàn đối với các bếp ăn này. Do đó, để có thể tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu gạo sang thị trường Châu Âu, các doanh nghiệp không chỉ nên tập trung vào chất lượng gạo mà còn cần đẩy mạnh duy trì sự ổn định của chất lượng gạo xuất khẩu.

2. Rau quả

Hiệp định EVFTA đã mở, thuế đã giảm nhưng ngành rau quả Việt Nam đang gặp nhiều rào cản liên quan đến nguyên liệu và bảo quản khi xuất khẩu sang thị trường EU: (i) Thị trường EU chỉ chấp nhận rau quả có chứng nhận GlobalGAP, trong khi diện tích cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP của Việt Nam còn khá khiêm tốn, chỉ khoảng 7,2% và (ii) vấn đề bảo quản hiện nay chưa tốt chỉ được khoảng 30 - 40 ngày. Trong khi đó, thời gian vận chuyển bằng đường biển sang châu Âu mất 3 tuần, cộng thêm chờ 4 - 5 ngày để kiểm tra chất lượng. Như vậy hoa quả chỉ có thể để được khoảng hơn 10 ngày. Do đó, hàng hóa chỉ có thể phân phối ở các thành phố gần cảng mà chưa thể đi sâu vào nội địa. Nếu vận chuyển bằng đường hàng không thì lại quá đắt. Chính vì những lí do này hàng rau quả xuất sang châu Âu chủ yếu là hàng chế biến, chiếm khoảng 2/3 các lô hàng. Tuy nhiên, công nghệ chế biến của Việt Nam đã quá cũ và chế biến chưa sâu, sức cạnh tranh chưa tốt tại các thị trường nói chung và châu Âu nói riêng. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường EU ngoài việc tìm nguồn nguyên liệu đủ điều kiện, còn cần phải đẩy mạnh việc tìm hiểu thị trường, đáp ứng các yêu cầu thị trường đặt ra, chuẩn bị sẵn sàng các chứng chỉ và xây dựng nền tảng tốt thì mới có thể xuất khẩu thuận lợi.

3. Điều

Xuất khẩu điều nhân sang thị trường EU được dự báo sẽ có xu hướng tăng nhẹ trong thời gian tới. Tiêu thụ điều nhân chế biến sâu ở mảng siêu thị tăng, nhưng ở mảng khách sạn, nhà hàng thì giảm. Các nhà nhập khẩu điều nhân từ giờ đến hết năm 2020 sẽ không ký hợp đồng với số lượng lớn và giữ hàng tồn kho vì chưa thể dự đoán được tình hình kinh tế

trong thời gian tới sẽ như thế nào dưới tác động của đại dịch Covid 19. Giá điều nhân dự kiến trong thời gian tới sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới, khi lượng dự trữ điều thô hạn chế và nguồn cung điều nhân xuất khẩu giảm.

Theo thông tin từ Hội nghị trực tuyến của INC thì tổng cung điều thô năm nay đạt gần 4 triệu tấn, Ấn Độ đình trệ sản xuất do ảnh hưởng bởi dịch, Việt Nam khởi động sản xuất vụ mới chậm, nên nguồn cung điều thô năm nay sẽ không thiếu. Vì vậy các nhà máy không nên mua điều thô khi chưa cân đối được giá bán ra thị trường, và cũng không nên giữ tồn kho điều thô nhiều nếu chưa có hợp đồng điều nhân.

4. Cà phê

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/08/2020, bao gồm mức cam kết cao nhất dành cho xuất khẩu cà phê Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cà phê của Việt Nam vào thị trường EU sẽ được hưởng thuế suất 0%. Dù Covid-19 đang gây khó khăn cho kinh tế và tiêu dùng, nhưng bánh mì, sữa, cà phê... vẫn là những mặt hàng có mức tiêu thụ cao tại EU. Tiêu thụ cà phê ở Châu Âu chuyển dịch có lợi cho dòng cà phê Robusta. Vì vậy, cùng với bộ đỡ của EVFTA, ngành cà phê có thể gia tăng giá trị vào thị trường này trong thời gian tới.

5. Thủy sản

Nhu cầu tiêu thụ thủy sản tại châu Âu các tháng cuối năm 2020 sẽ tăng trở lại do các nước trong khu vực đã dỡ bỏ lệnh phong tỏa. Tuy nhiên, sẽ cần thời gian để ngành dịch vụ ẩm thực hồi phục hoàn toàn. Doanh số bán lẻ hàng thủy sản tại châu Âu tiếp tục cao, đặc biệt là ở phân khúc trước khi đóng gói và đóng hộp. Nhà xuất khẩu Việt Nam tận dụng những cơ hội này để tăng giá trị xuất khẩu đạt được mục tiêu đã đề ra từ đầu năm

Các công ty chế biến tôm châu Âu đã bắt đầu đặt hàng cho kỳ nghỉ Giáng sinh và năm mới 2021. Các công ty chế biến ở Tây Ban Nha, Pháp cho rằng việc chuẩn bị hàng hóa cho dịp nghỉ Lễ trong năm nay sẽ mất nhiều thời gian hơn bình thường, nên đã bắt đầu đặt hàng sớm hơn. Điều này cũng đồng nghĩa với nhu cầu các tháng cuối năm có khả năng sẽ chậm lại. Doanh nghiệp xuất khẩu tôm cần chú ý đến vấn đề này để có kế hoạch và định hướng cho giai đoạn tới.

6. Hồ tiêu

Mặc dù chịu tác động của dịch Covid-19 gây khó khăn trong việc vận chuyển hàng hóa, tuy nhiên xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam sang thị trường EU trong tháng 8 vẫn đạt mức tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2019.

EVFTA đã mở ra cơ hội cho ngành hàng hồ tiêu Việt Nam trên thị trường EU. Đặc biệt với mặt hàng hồ tiêu chế biến thì mức thuế sẽ giảm xuống 0%. Tuy được hưởng ưu đãi

thuế quan, tuy nhiên EU lại là thị trường có yêu cầu rất cao, đặc biệt về kiểm dịch thực vật, quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm. Vậy nên việc sản xuất hồ tiêu theo hướng GAP là yêu cầu bắt buộc để ngành hồ tiêu Việt Nam có thể cạnh tranh với các đối thủ lớn như Brazil, Ấn Độ,... Dự báo trong ngắn hạn, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU sẽ giữ ở mức ổn định như trong hai tháng gần nhất do tình hình Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp tại thị trường này.

7. Cao su

Trong cuộc họp chính sách mới nhất ngày 10/9 theo hình thức trực tuyến, Hội đồng thống đốc Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định giữ nguyên lãi suất chủ chốt và các chương trình kích thích để ứng phó với cuộc khủng hoảng sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh Khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu vẫn đang phải chiến đấu với sự suy thoái do đại dịch Covid-19 gây ra. Như dự kiến, ECB đã giữ nguyên lãi suất tái cấp vốn ở mức 0,25% và lãi suất tiền gửi ở mức -0,5%. Bên cạnh đó, chương trình mua trái phiếu khẩn cấp trong thời gian dịch bệnh trị giá 1.350 tỷ euro (1.600 tỷ USD) cũng tiếp tục được duy trì. Chương trình này dự kiến sẽ kéo dài ít nhất cho đến cuối tháng 6/2021 hoặc cho đến khi ECB đánh giá giai đoạn khủng hoảng do Covid-19 đã kết thúc.

Trước hiện trạng các trường hợp mắc Covid-19 gia tăng đang buộc chính phủ các nước EU phải áp dụng lại các biện pháp kiểm dịch và cách xa xã hội, điều này sẽ tác động tiêu cực đến hoạt động kinh tế trong tương lai. Sự không chắc chắn, liên tục về các biện pháp giải cứu trong tương lai và khả năng dỡ bỏ các nỗ lực kích thích quốc gia có thể dẫn đến nguy cơ phá sản, khủng hoảng tài chính và bất ổn xã hội sẽ trong những tháng tới. Để đảm bảo các doanh nghiệp có thể tồn tại lâu hơn cuộc khủng hoảng hiện tại, các chính phủ sẽ buộc phải tăng cường hỗ trợ cho các tập đoàn ở mọi quy mô, hoặc thậm chí có khả năng xem xét nắm giữ cổ phần trong đó.

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 tạo cơ hội lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam được cắt giảm thuế cao. Trong khoảng thời gian này, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam bước đầu đã tận dụng ưu đãi để xuất khẩu vào thị trường châu Âu. Tuy nhiên trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 như hiện nay; kinh tế EU được dự báo phục hồi chậm sẽ là yếu tố làm giảm nhu cầu nguyên liệu đầu vào của các quốc gia này trong đó có cao su tự nhiên.

8. Gỗ và các sản phẩm gỗ

Theo Báo cáo “Tác động của Hiệp định EVFTA tới các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu và EU” của Nhóm nghiên cứu của các Hiệp hội VIFOREST, FPA Bình Định,

HAWA, BIFA và Forest Trends¹ mặc dù EVFTA đem lại những ưu đãi về thuế, các mức thuế ưu đãi mới sẽ không tạo được các động lực mới nhằm nâng cao sức cạnh tranh, mở rộng thị trường cho các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU trong tương lai do những mặt hàng gỗ có kim ngạch xuất khẩu lớn (117 mặt hàng, chiếm 90% kim ngạch xuất khẩu) đã có mức thuế nhập khẩu 0% trước khi EVFTA có hiệu lực. Do vậy, để phát triển thị trường EU, cần tập trung nhiều vào các nội dung phát triển bền vững, xóa bỏ rào cản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mở rộng đầu tư công, sở hữu trí tuệ, quảng bá, thúc đẩy mở rộng thị trường. Kết hợp giữa EVFTA và chính sách mới của Chính phủ được kỳ vọng sẽ thúc đẩy phát triển mạnh mẽ xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường EU trong thời gian tới.

¹ Trần Lê Huy (FPA Bình Định) - Cao Thị Cẩm (VIFOREST) - Tô Xuân Phúc (Forest Trends) - Báo cáo Tác động của Hiệp định EVFTA tới các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu và EU

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 8/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 8/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T7/2020	Tăng /giảm so T8/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	64.148.640	13.57%	-15.61%	21%
2	Cao su	7.066.668	6.95%	-25.51%	2%
3	Chè	201.967	10.75%	63.67%	0%
4	Gạo	2.366.297	19.23%	-17.72%	1%
5	Gỗ &SPG	31.355.293	-6.38%	1.31%	10%
6	Rau quả	12.980.726	8.28%	-19.85%	4%
7	Thủy sản	97.532.680	-0.46%	-11.98%	32%
8	Hạt điều	60.111.610	-5.44%	4.50%	20%
9	Hạt tiêu	6.684.503	-2.20%	6.65%	2%
10	Mây tre đan	12.936.585	-8.09%	53.35%	4%
11	SP từ cao su	8.407.606	-27.37%	-7.01%	3%
12	Thịt và SP từ thịt	809.415	63.48%	-36.62%	0%
Tổng XKNLTS		304.601.989,93	-0.22%	-7.42%	100%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 8/2020

Đơn vị: USD

T T	Loại sản phẩm	Tháng 8/2019		Tháng 8/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)
1	Gạo thơm	2.479	1.372.728	3.050	1.900.346	23,0%	38,4%
2	Gạo trắng	2.236	1.062.105	526	322.445	-76,5%	-69,6%
3	Gạo Japonica	942	380.977	227	112.038	-75,8%	-70,6%
4	Các loại gạo khác	33	50.734	36	31.468	8,5%	-38,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 8/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 8/2019	Tháng 8/2020	So sánh T8.2020/T8.2019
		(Triệu USD)	(Triệu USD)	
	Tổng giá trị XK	16.2	13.0	-19.8%
1	Chanh	5.8	3.0	-47.6%
2	Xoài	0.4	1.0	129.1%
3	Dừa	0.9	1.0	5.1%
4	Thanh long	1.2	0.9	-20.8%
5	Nấm các loại	0.6	0.5	-14.8%
6	Dứa	0.3	0.5	40.9%
7	Vải	0.2	0.4	73.9%
8	Gừng	0.2	0.3	78.4%
9	Khác	6.5	5.3	-18.3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang EU tháng 8/2020

TT	Sản phẩm	T8/2019 (USD)	T8/2020 (USD)	So sánh T8.2020/T8.2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	1.277.119,8	809.415,2	-36,6%
1	Đùi ếch đông lạnh	801.069,8	547.708,7	-31,6%
2	Động vật sống khác	476.050,0	250.510,0	-47,4%
3	Thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến (chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà, ...)		11.196,5	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 8 năm 2020

TT	Loại sản phẩm	Tháng 8/2019 (USD)	Tháng 8/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
1	Cá ngừ	13.311.324,33	10.744.192,59	-19,29%
2	Cá tra	11.903.774,49	9.857.815,47	-17,19%
3	Cua - ghe	486.136,92	804.372,24	65,46%
4	Mực và bạch tuộc	5.122.498,30	4.064.151,12	-20,66%
5	Tôm sú	7.295.588,24	9.209.170,11	26,23%
6	Tôm thẻ chân trắng	41.027.340,66	46.195.938,41	12,60%
7	Tôm loại khác	2.143.313,93	2.742.024,15	27,93%
8	Thủy sản khác	15.245.667,66	13.915.015,78	-8,73%

Nguồn: Tổng cục Hải quan